TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **288/**2026/HSST
Ngày: 20/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Trần Thị Minh Thu;**
- Các hội thẩm nhân dân: **Bà Bùi Thị Minh Hoa**
Bà Lê Thị Thuyên

Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thu Uyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội tham gia phiên toà: **Ông Trần Văn Nghiêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Toà án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 274/2026/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2026/HS-QĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức D; Sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT: Số G, khu G phố Đ, phường L, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện tại: P12A28, Tòa S209 O, xã G, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên bố: Nguyễn Đức T, sinh năm 1957 (đã chết); Họ và tên mẹ: Lê Thị D1, sinh năm 1958; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

D2 chỉ bản số 133 do Công an phường Y lập ngày 27/01/2026.

Bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2026 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. Có mặt tại phiên toà

Bị hại: Chị Trương Hải Y; Sinh năm 2001; HKTT: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên.Vắng mặt tại phiên tòa - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04h30’ngày 12/01/2026, sau khi đi uống rượu với bạn tại quán Karaoke ở địa chỉ số A phố N, phường Y, TP . Hà Nội, Nguyễn Đức D thuê xe taxi nhãn hiệu Vinfast BKS: 98H-081.40 do anh Nguyễn Thế A (Sinh năm 1987; Nơi ở: P202 số H ngõ H phố T, phường Y, TP . Hà Nội) điều khiển để đi về nhà ở khu O, xã G, TP . Hà Nội. Khoảng 05h00’cùng ngày, khi anh Thế A điều khiển xe

đi trên phố N, do không thỏa thuận được giá cước nên anh Thế A đã dừng lại để D xuống xe tại khu vực trước nhà số D. Khi đang đứng ở vỉa hè, D phát hiện cửa nhà số D phố N (dạng cửa khóa từ) không khóa nên đã đẩy cửa rồi đi vào bên trong. Tại đây, D phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu trắng BKS: 17B2-497.54 của chị Trương Hải Y (Sinh năm 2001; HKTT: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên - là người thuê trọ tại nhà số D phố N) đang dựng gần cầu thang nhưng không khóa cổ, không khóa càng, không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp. D dắt chiếc xe trên ra khỏi nhà, sau đó dắt bộ ngược vào ngõ B rồi tiếp tục dắt đến khu vực trước số nhà A ngõ B phố N và tìm cách khởi động xe nhưng không được. Do trời gần sáng và trong ngõ có người dân qua lại, lo sợ bị phát hiện nên D đã để lại chiếc xe tại địa chỉ nêu trên rồi sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 màu đen của mình chụp lại vị trí để xe máy mục đích để ghi nhớ vị trí, hôm khác sẽ quay lại lấy xe.

Khoảng 10h00’ cùng ngày 12/01/2026, chị Trương Hải Y đến Công an phường Y trình báo về việc chị bị trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu trắng BKS: 17B2-497.54 tại nhà số D phố N Đến ngày 15/01/2026, Nguyễn Đức D đến Công an phường Y làm việc, khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Dẫn giải Nguyễn Đức D đến khu vực trước số nhà A ngõ B phố N, cơ quan Công an đã thu giữ của D: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu trắng BKS: 17B2-497.54. Ngoài ra, còn thu giữ của D chiếc điện thoại Samsung A11 màu đen

Tại Kết luận định giá tài sản số 07 ngày 21/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường Y kết luận: 01(Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision; BKS 17B2- 497.54, số khung: RLHJF583KY042964; Số máy: JF86E2106426, đã qua sử dụng, có giá trị **13.000.000 đồng**.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức D khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác.

Về xử lý vật chứng: Xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 17B2- 497.54 do chị Trương Hải Y là chủ sở hữu hợp pháp, ngày 12/03/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã trao trả cho chị Y. Chị Y đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKSKV4 ngày 22 tháng 3 năm 2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội đã truy tố Nguyễn Đức D về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với nội dung Cáo trạng đã viện dẫn, bị cáo nhận thức là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội giữ nguyên quyết định của bản cáo trạng đã truy tố, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D mức án từ 06 đến 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về dân sự: Không; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch

thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại đã thu giữ của bị cáo. Bị cáo được quyền kháng cáo và phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố H; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại, nên hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Trên cơ sở kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Nguyễn Đức D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên toà, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng được thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ khác.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 05h10’ ngày 12/01/2026, tại số D phố N, phường Y, Hà Nội, Nguyễn Đức D đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 17B2- 497.54 trị giá 13.000.000 đồng của chị Trương Hải Y. Tang vật đã được thu hồi và trao trả cho người bị hại, người bị hại đã nhận tài sản và không có yêu cầu về dân sự.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Đức D như trên đã phạm tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội *“Trộm cắp tài sản”* của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Chỉ vì mục đích tư lợi, bị cáo bất chấp quy định của pháp luật, chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi và trao trả cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu về dân sự nên không xét.

[5]. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Samsung A11, màu đen, gắn sim, đã qua sử dụng là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước .

[6].Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. **Về tội danh**: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. **Về điều luật áp dụng và mức hình phạt**:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Bị cáo Nguyễn Đức D 06 (Sáu) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản".*** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2026.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung A11, màu đen, gắn sim. Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy, không xác định được số sim.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 371 ngày 14/4/2026 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố H và Phòng thi hành án dân sự khu vực 4-Hà Nội).

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND KV 4-Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS KV 4;
- Lưu HS - VP

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Minh Thu